

NÂNG CAO KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG ĐÀO TẠO TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TRẦN THỊ QUỲ THU

Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 10/01/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 27/02/2026.

Abstract

In the context of international integration and the rapid expansion of the digital era, English communication skills have become a core competence that significantly influences students' employment opportunities after graduation. However, the current practice of English training for non-English majors at universities still faces several shortcomings, including grammar-oriented curricula, large class sizes, and learners' psychological barriers. This article analyzes the current state of communication skills among non-English-major students and identifies both objective and subjective obstacles. On that basis, the author proposes key groups of solutions aimed at transforming the learning model from passive to active, thereby helping students develop greater confidence and flexibility in using English in real-world professional settings.

Keywords: Artificial intelligence, communication skills, English for non-English majors, methodological innovation, university students.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kỷ nguyên của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang bùng nổ mạnh mẽ, thị trường lao động toàn cầu đang chứng kiến những bước dịch chuyển sâu sắc và khắt khe hơn bao giờ hết. Yêu cầu đối với nguồn nhân lực hiện đại không còn bó hẹp trong phạm vi kiến thức chuyên môn thuần túy mà đòi hỏi một sự hội tụ toàn diện các kỹ năng bổ trợ linh hoạt. Trong bức tranh đó, khả năng giao tiếp tiếng Anh thành thạo được ví như tấm "chìa khóa vàng", mở ra những cánh cửa cơ hội quý giá và tạo nên lợi thế cạnh tranh vượt trội cho người lao động. Việc làm chủ ngoại ngữ giúp các cá nhân tự tin hội nhập, khẳng định vị thế bản thân và đáp ứng những tiêu chuẩn gắt gao của các nhà tuyển dụng trong một thế giới phẳng đầy biến động.

Đối với sinh viên (SV) thuộc khối ngành không chuyên, quan niệm về việc học ngoại ngữ cần có sự thay đổi mang tính đột phá và thực tiễn hơn. Tiếng Anh giờ đây không đơn thuần chỉ là một môn học điều kiện để hoàn thành chương trình đào tạo hay đạt đủ điểm số tốt nghiệp mà đã thực sự trở thành một công cụ sinh tồn và phát triển thiết yếu, đóng vai trò là phương tiện then chốt giúp SV trực tiếp tiếp cận với kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại, khai thác hiệu quả các tài liệu nghiên cứu chuyên ngành chuyên sâu vốn phần lớn được lưu trữ bằng tiếng Anh. Hơn thế nữa, đây chính là nền tảng vững chắc để các bạn trẻ sẵn sàng dấn thân vào môi trường làm việc đa quốc gia, nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa và đòi hỏi sự kết nối không rào cản. Tuy nhiên, có một thực tế đáng quan ngại là dù đã dành nhiều năm học Tiếng Anh ở phổ thông và đại học, phần lớn SV không chuyên vẫn rơi vào tình trạng ngại nói, sợ sai và lúng túng khi gặp các tình huống giao tiếp thực tế. Theo chỉ số EF EPI 2024, "Chỉ số thông thạo về trình độ tiếng Anh của người Việt Nam đứng thứ 63 trên tổng số 116 quốc gia, với 498 điểm, với độ thông thạo ở mức thấp... Thứ hạng năm 2024 của Việt Nam đã giảm 5 bậc so năm 2023, từ 58 xuống 63. Thứ hạng này cũng cách khá xa so thứ hạng tốt nhất mà Việt Nam đã đạt được vào năm 2019, xếp hạng 52" [2]. Yêu cầu của các nhà tuyển dụng hiện nay không chỉ dừng lại ở các chứng chỉ quốc tế

Email: thuttquy@huit.edu.vn

như TOEIC hay IELTS với điểm số lý thuyết cao mà quan trọng hơn là khả năng phản xạ, diễn đạt ý tưởng và đàm phán bằng tiếng Anh một cách trôi chảy.

Sự chênh lệch giữa chuẩn đầu ra của nhà trường và nhu cầu thực tế của xã hội đặt ra bài toán cấp bách cho các cơ sở giáo dục đại học. Để thu hẹp khoảng cách này, việc nhìn nhận lại quy trình đào tạo và tìm kiếm những phương thức tác động mới là điều không thể trì hoãn. Bài báo hướng tới việc phân tích sâu sắc các rào cản hiện hữu trong việc dạy và học Tiếng Anh không chuyên, từ đó đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn cao nhằm nâng cao năng lực giao tiếp cho SV, đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường lao động trong giai đoạn hội nhập.

2. Thực trạng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên không chuyên

2.1. Về chương trình đào tạo và điều kiện cơ sở vật chất

Khảo sát thực tế tại nhiều trường đại học không chuyên cho thấy, mặc dù đã có những nỗ lực đổi mới theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam nhưng chương trình đào tạo và cơ sở vật chất vẫn tồn tại những rào cản nhất định đối với việc phát triển kỹ năng giao tiếp của SV. Bài viết của Bùi Thị Phương Trang nghiên cứu tại Trường Đại học Nội vụ Hà Nội cũng cho thấy hầu hết các lớp học Tiếng Anh “*Đều không đạt chuẩn, không được thiết kế cho dạy ngoại ngữ, không cách âm, chất lượng âm học kém, bàn ghế được sắp xếp theo truyền thống, giáo viên (GV) ngồi trên bục đối diện với SV, chỉ phù hợp cho phương pháp thuyết trình, không phù hợp cho phương pháp dạy học tương tác*” [1, tr. 78-84]. Điều này cũng được Nguyễn Thái Bình Long phỏng vấn các nhà quản lý tại các trường thành viên của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và kết quả cho thấy: “*Cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo cho công tác dạy và học tiếng Anh không chuyên chỉ đáp ứng một phần cơ bản và chưa phục vụ tốt cho việc dạy học như mong muốn*” [5, tr. 7-14].

Đa số các học phần Tiếng Anh không chuyên hiện nay vẫn nặng về lý thuyết cấu trúc và từ vựng phục vụ cho các kỳ thi đánh giá năng lực dạng viết hoặc trắc nghiệm. Việc thiết kế chương trình chưa thực sự cân đối giữa 4 kỹ năng, trong đó thời lượng dành cho kỹ năng Nghe và Nói thường bị lép vế so với Đọc và Viết, “*Nhiều GV tập trung vào ngữ pháp và từ vựng, ít đầu tư vào kỹ năng nghe, nói, giao tiếp thực tế, ảnh hưởng đến hiệu quả dạy học*” [7]. Giáo trình sử dụng đôi khi còn mang tính hàn lâm, thiếu các chủ đề giao tiếp thực tiễn gắn liền với chuyên ngành hoặc tình huống công việc thực tế mà SV sẽ gặp phải sau khi tốt nghiệp. Điều này dẫn đến tình trạng SV có thể nắm vững ngữ pháp nhưng lại lúng túng khi thực hiện một cuộc hội thoại đơn giản.

Một trong những thách thức lớn nhất là quỹ thời gian hạn hẹp của các học phần tiếng Anh cơ bản (thường chỉ kéo dài từ 2 đến 3 tín chỉ mỗi học kỳ). Với thời lượng này, GV khó có thể tổ chức các hoạt động tương tác sâu cho từng cá nhân. Bên cạnh đó, “*Sĩ số ở các lớp học Tiếng Anh còn quá cao, thường là 50 SV; ở một số trường, con số này còn gấp đôi*” [8, tr. 40-42]. Quy mô lớp học quá tải khiến không gian thực hành bị thu hẹp; GV không đủ thời gian để chỉnh sửa phát âm hay theo sát quá trình hội thoại của từng cặp, nhóm SV dẫn đến việc rèn luyện kỹ năng nói chỉ mang tính hình thức.

Mặc dù các nhà trường đã chú trọng đầu tư nhưng hệ thống phòng lab chuyên dụng cho việc luyện nghe - nói vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế của số lượng lớn SV không chuyên. Hệ thống âm thanh tại các phòng học truyền thống đôi khi không đảm bảo chất lượng, gây khó khăn cho việc rèn luyện kỹ năng nghe hiểu. Ngoài ra, việc thiếu vắng các không gian học tập mở (như góc ngoại ngữ, thư viện đa phương tiện) cũng làm hạn chế cơ hội tiếp xúc với môi trường tiếng Anh bản ngữ của SV ngoài giờ lên lớp chính quy.

2.2. Về phương pháp giảng dạy và kiểm tra, đánh giá

Phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá là hai yếu tố quyết định trực tiếp đến định hướng học tập của SV. Tuy nhiên, thực tế tại nhiều cơ sở đào tạo không chuyên cho thấy sự thiếu đồng bộ giữa mục tiêu “giao tiếp” và cách thức triển khai cụ thể, vì nếu chỉ dạy Tiếng Anh như một ngoại ngữ (EFL) “*Lâu dần sẽ bị mòn hoặc quên và dẫn đến mất đi kỹ năng giao tiếp*” [4]. Mặc dù các phương pháp dạy học tích cực đã được phổ biến rộng rãi nhưng trong khối tiếng Anh không chuyên, lối dạy “lấy GV làm trung tâm” (Teacher-centered) vẫn còn khá phổ biến. Do áp lực về khối lượng kiến thức trong giáo trình và thời gian hạn hẹp, nhiều GV vẫn ưu tiên giải thích ngữ pháp và dịch văn bản thay vì tổ chức các

hoạt động tương tác. Các hoạt động như thảo luận nhóm, đóng vai (role-play) hay thuyết trình dự án thường chỉ dừng lại ở mức độ hình thức, chưa tạo được môi trường giao tiếp thực thụ để SV rèn luyện phản xạ tự nhiên. Việc thiếu các tình huống mô phỏng thực tế khiến SV khó hình dung cách vận dụng ngôn ngữ vào đời sống và công việc sau này.

Mặc dù kỷ nguyên số đã mang lại nhiều công cụ hỗ trợ nhưng việc tích hợp các phần mềm luyện nói, trí tuệ nhân tạo (AI) hay các nền tảng học tập trực tuyến vào bài giảng chính khóa vẫn còn rời rạc. Bên cạnh đó *“AI vẫn gặp khó khăn trong việc xử lý các sắc thái ngữ nghĩa, các biểu cảm và cách sử dụng từ ngữ trong ngữ cảnh văn hóa cụ thể. Điều này có thể dẫn đến việc AI hiểu sai hoặc cung cấp các phản hồi không chính xác, gây khó khăn cho người học”* [6, tr. 22-24]. GV đôi khi lúng túng trong việc kết hợp các công cụ này để tạo ra sự hứng khởi cho SV, dẫn đến việc giờ học ngoại ngữ trở nên khô khan, thiếu tính trực quan sinh động, yếu tố then chốt để kích thích nhu cầu giao tiếp.

Về công tác kiểm tra và đánh giá, đây được xem là “nút thắt” lớn nhất trong việc nâng cao kỹ năng giao tiếp. Hiện nay, hình thức đánh giá định kỳ và kết thúc học phần tại nhiều trường vẫn chủ yếu dựa trên bài thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận) tập trung vào ngữ pháp, từ vựng và đọc hiểu. Khi bài thi cuối kỳ chiếm trọng số lớn nhưng lại thiếu phần thi Nói (Speaking), SV nảy sinh tâm lý “học gì thi nấy”. Họ dành phần lớn thời gian để giải đề, học vẹt cấu trúc để lấy điểm số cao thay vì đầu tư công sức vào việc luyện phát âm hay kỹ năng nghe - nói. Sự thiếu vắng các tiêu chí đánh giá quá trình (formative assessment) dựa trên sự tương tác thực tế trên lớp khiến động lực rèn luyện kỹ năng giao tiếp của SV bị giảm sút đáng kể.

2.3. Về năng lực và thái độ học tập của sinh viên

Bên cạnh những tác động từ môi trường và phương pháp, năng lực nền tảng và ý thức học tập của SV chính là yếu tố quyết định đến sự thành công của việc phát triển kỹ năng giao tiếp. Qua quan sát và khảo sát thực tiễn, thực trạng này biểu hiện ở các khía cạnh sau:

Về năng lực ngoại ngữ và rào cản tâm lý: Đa số SV khối không chuyên có trình độ tiếng Anh đầu vào không đồng đều, thậm chí nhiều SV bị mất gốc kiến thức căn bản từ bậc phổ thông. trình độ tiếng Anh đầu vào rất khác nhau. *“Sinh viên trong một lớp học đến từ khắp các vùng miền trên cả nước, trong khi nhiều em đến từ các vùng đô thị nơi có điều kiện thuận lợi để học tập ngoại ngữ thì cũng có một số lượng không nhỏ đến từ các vùng nông thôn, vùng núi, hải đảo với điều kiện học tập ngoại ngữ hạn chế nên tất yếu có sự phân hóa đa dạng về trình độ và khả năng sử dụng tiếng Anh”* [3, tr. 25-27]. Điều này tạo ra một “rào cản tâm lý” cực lớn. SV thường cảm thấy tự ti, sợ sai khi phát âm và lo lắng bị bạn bè hay GV đánh giá. Sự thiếu hụt về vốn từ vựng và kỹ năng nghe hiểu khiến các em rơi vào tình trạng hiểu nhưng không thể diễn đạt, dẫn đến xu hướng né tránh các hoạt động tương tác, thảo luận nhóm trên lớp.

Một bộ phận không nhỏ SV vẫn giữ tư duy xem tiếng Anh là môn học phụ, chỉ cần học để đủ điều kiện ra trường thay vì coi đó là công cụ nghề nghiệp tương lai. Thái độ học tập mang tính đối phó này dẫn đến việc thiếu đầu tư thời gian và công sức. Thay vì chủ động tìm kiếm cơ hội giao tiếp, SV có thói quen ỷ lại vào các công cụ dịch thuật trực tuyến hoặc chỉ tập trung học vẹt để đối phó với các kỳ thi. Việc thiếu đi một mục tiêu nghề nghiệp rõ ràng gắn liền với ngoại ngữ khiến động lực tự thân của SV rất thấp.

Kỹ năng giao tiếp đòi hỏi sự rèn luyện bền bỉ và liên tục, tuy nhiên, phần lớn SV không chuyên chưa xây dựng được thói quen tự học hiệu quả. Sau giờ lên lớp, rất ít SV chủ động tham gia các câu lạc bộ tiếng Anh, xem các kênh bản ngữ hay luyện nói trước gương. Môi trường sinh hoạt hằng ngày thiếu vắng sự hiện diện của tiếng Anh, kết hợp với tính thụ động trong học tập, khiến những kiến thức ít ỏi tiếp thu được trên lớp nhanh chóng bị mai một.

3. Giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên không chuyên

3.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy

Để nâng cao kỹ năng giao tiếp, GV cần chuyển dịch mạnh mẽ từ phương pháp truyền thụ một chiều sang phương pháp lấy người học làm trung tâm, tạo ra môi trường tương tác tối đa. *“Phải bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy”* [5, tr. 7-14].

Giáo viên nên ưu tiên sử dụng phương pháp Học tập qua dự án (Project-based Learning) hoặc Đóng

vai theo tình huống (Role-play). Thay vì học các đoạn hội thoại mẫu trong giáo trình, SV được giao các tình huống giả định thực tế như: đón tiếp khách hàng tại sân bay, phỏng vấn xin việc hoặc thảo luận về một vấn đề thời sự. Các hoạt động này không chỉ giúp SV luyện phản xạ ngôn ngữ mà còn rèn luyện kỹ năng mềm và tư duy giải quyết vấn đề. Việc lồng ghép các trò chơi trí tuệ (Gamification) thông qua các ứng dụng như Kahoot! hay Quizizz cũng giúp giảm bớt căng thẳng, tạo không khí học tập sôi nổi và kích thích SV phát biểu.

Trong bối cảnh sĩ số lớp đông, AI chính là giải pháp hữu hiệu để cá nhân hóa việc luyện nói. GV có thể hướng dẫn SV sử dụng các công cụ như: ChatGPT/Gemini: Đóng vai là “đối tác hội thoại” để SV luyện tập trò chuyện hàng ngày hoặc sửa lỗi ngữ pháp trong câu nói trực tiếp; ELSA Speak hoặc các ứng dụng tương tự: Giúp SV tự chỉnh sửa phát âm (pronunciation) và trọng âm (word stress) theo chuẩn quốc tế, điều mà GV khó có thể làm cho từng cá nhân trên lớp; Công cụ nhận diện giọng nói: Khuyến khích SV sử dụng tính năng Voice-to-Text để kiểm tra độ chính xác trong cách phát âm của mình.

Giáo viên cung cấp tài liệu, từ vựng và video bài giảng trước qua hệ thống trực tuyến. Thời gian quý báu trên lớp sẽ được dành hoàn toàn cho việc thực hành giao tiếp, tranh luận và chỉnh sửa kỹ năng nói. Điều này giúp tối ưu hóa thời lượng học tập, biến lớp học thành một không gian thực hành thực thụ thay vì nơi ghi chép lý thuyết. Việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương pháp truyền thống tích cực và công nghệ hiện đại sẽ giúp SV vượt qua rào cản tâm lý, tạo sự hứng thú và hình thành phản xạ giao tiếp tự nhiên trong môi trường học thuật.

3.2. Tạo lập môi trường thực hành

Kỹ năng giao tiếp không thể hình thành nếu thiếu môi trường thực hành thực tế. Vì vậy, nhà trường và GV cần phối hợp để xây dựng một hệ sinh thái ngôn ngữ giúp SV có cơ hội “nhúng mình” vào tiếng Anh ngoài giờ học chính khóa.

Cần duy trì và đổi mới hoạt động của các Câu lạc bộ tiếng Anh, “*Tạo môi trường giao tiếp tiếng Anh cho SV ngay trong khuôn viên trường như Câu lạc bộ tiếng Anh với tổ chức hoạt động bài bản và quan trọng nhất phải thu hút được SV tham gia; bổ sung những lớp dạy phát âm tiếng Anh*” [5, tr. 7-14]. Thay vì các buổi sinh hoạt mang tính học thuật khô khan, câu lạc bộ cần tổ chức các hoạt động theo chủ đề gần gũi như: English Coffee Morning, Movie Night hoặc các buổi giao lưu văn hóa. Việc mời các tình nguyện viên bản ngữ hoặc các cựu SV có khả năng ngoại ngữ tốt tham gia sẽ tạo động lực và môi trường giao tiếp “thật” cho SV. Đây là không gian an toàn để các em mắc lỗi và tự sửa lỗi mà không gặp áp lực về điểm số.

Các cuộc thi như Rung chuông vàng, Hùng biện tiếng Anh (English Speaking Contest) hay Tìm kiếm tài năng MC ngoại ngữ nên được tổ chức định kỳ. Đặc biệt, việc khuyến khích SV thực hiện các vlog, podcast ngắn bằng tiếng Anh về các chủ đề đời sống và đăng tải trên các nền tảng mạng xã hội của khoa/trường sẽ giúp các em rèn luyện kỹ năng diễn đạt trước công chúng và sử dụng ngôn ngữ một cách sáng tạo. Nhà trường có thể tận dụng các mối quan hệ hợp tác để tổ chức các buổi tọa đàm trực tuyến (webinar) hoặc trực tiếp giữa SV trong trường với SV các trường đại học nước ngoài. Những buổi trò chuyện này giúp SV không chuyên nhận thấy tiếng Anh là phương tiện kết nối toàn cầu, từ đó phá bỏ tâm lý e ngại khi tiếp xúc với người nước ngoài.

Nên xây dựng “Góc tiếng Anh” (English Zone) tại khuôn viên trường. Đây là khu vực quy định chỉ sử dụng tiếng Anh khi giao tiếp. Tại đây, GV có thể bố trí các bảng tin, tạp chí hoặc các trò chơi bàn cờ (board games) bằng tiếng Anh để khuyến khích SV tương tác một cách tự nhiên nhất trong thời gian nghỉ ngơi. Đồng thời “*Có kế hoạch đầu tư xây dựng các lớp học ngoại ngữ chuẩn, có chất lượng âm thanh tốt, bổ sung trang thiết bị và những phương tiện hỗ trợ dạy học Tiếng Anh, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin vào dạy và học Tiếng Anh*” [1, tr. 78-84].

3.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá

Để thúc đẩy SV chú trọng kỹ năng giao tiếp, quy trình đánh giá cần được chuyển đổi từ việc kiểm tra kiến thức ngôn ngữ sang đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh thực tế. Thay vì chỉ phụ thuộc vào một bài thi cuối kỳ, GV nên đa dạng hóa các cột điểm thành phần thông qua các hoạt động trên lớp. Các điểm số có thể được tính dựa trên mức độ tham gia thảo luận, kết quả của các bài thuyết

trình nhóm hoặc khả năng hoàn thành các tình huống đóng vai. Việc đánh giá liên tục không chỉ giúp giảm bớt áp lực thi cử mà còn buộc SV phải duy trì việc luyện nói và tương tác trong suốt cả học kỳ.

Cần mạnh dạn đưa phần thi Nói (Speaking) vào cấu trúc bài thi bắt buộc với trọng số xứng đáng (ít nhất 30-40%). GV có thể áp dụng các hình thức thi linh hoạt như: Vấn đáp trực tiếp (Interview): Kiểm tra khả năng phản xạ và phát âm; Thuyết trình theo chủ đề (Presentation): Đánh giá khả năng diễn đạt logic và phong thái tự tin; Thi theo cặp/nhóm (Pair/Group work): Kiểm tra khả năng tương tác, tranh luận và xử lý tình huống hội thoại.

Nên xây dựng bộ tiêu chí đánh giá (Rubric) khoa học và minh bạch. Để đảm bảo tính khách quan trong việc chấm kỹ năng nói, GV cần xây dựng bảng tiêu chí rõ ràng, bao gồm các thành phần: độ trôi chảy (fluency), vốn từ vựng (vocabulary), độ chính xác ngữ pháp (grammar) và đặc biệt là khả năng truyền đạt (communicative achievement). Khi SV nắm rõ các tiêu chí này, các em sẽ biết mình cần tập trung cải thiện điều gì thay vì chỉ lo lắng về việc sai lỗi ngữ pháp đơn thuần.

Cần ứng dụng công nghệ trong đánh giá. Đối với các lớp có sĩ số đông, GV có thể sử dụng các nền tảng như Flipgrid hoặc Google Classroom để SV nộp bài tập dưới dạng video/audio. Cách làm này cho phép GV có thời gian nghe lại và đưa ra những nhận xét chi tiết hơn về phát âm cũng như cách dùng từ của từng SV, điều mà việc kiểm tra trực tiếp trên lớp đôi khi không đáp ứng được do giới hạn thời gian.

3.4. Nâng cao ý thức tự học của sinh viên

Sự phát triển kỹ năng giao tiếp là một quá trình tích lũy lâu dài, không thể chỉ dựa vào thời gian ngắn ngủi trên lớp. Do đó, việc khơi dậy tinh thần tự học và giúp SV thấy được giá trị thực tế của tiếng Anh là giải pháp mang tính gốc rễ.

Cần định hướng mục tiêu gắn liền với chuyên ngành. GV cần giúp SV hiểu rõ tiếng Anh không phải là một môn học điều kiện để lấy bằng mà là “vũ khí” để tăng khả năng cạnh tranh trong nghề nghiệp tương lai. Việc giới thiệu các yêu cầu tuyển dụng thực tế, các chứng chỉ quốc tế cần thiết cho từng ngành nghề cụ thể (như tiếng Anh chuyên ngành Kỹ thuật, Kinh tế, hay Du lịch) sẽ giúp SV có động lực tự thân mạnh mẽ hơn thay vì học tập theo lối đối phó.

Hướng dẫn phương pháp tự học trong kỷ nguyên số. GV đóng vai trò là người định hướng (mentor), giới thiệu cho SV các nguồn học liệu uy tín và miễn phí trên các nền tảng như YouTube, Coursera, hay các ứng dụng luyện nghe (Podcasts). SV cần được hướng dẫn cách thiết lập mục tiêu SMART (Cụ thể - Đo lường được - Khả thi - Tương thích - Thời gian cụ thể) cho việc học ngoại ngữ hàng ngày, ví dụ như dành ít nhất 15-30 phút mỗi ngày để luyện nghe hoặc nói theo phương pháp shadowing (nói đuổi).

Xây dựng cộng đồng học tập tương trợ (Peer Learning). Khuyến khích SV lập các nhóm tự học hoặc “Đôi bạn cùng tiến”. Trong các nhóm này, SV có thể tự do thực hành giao tiếp, sửa lỗi cho nhau và chia sẻ kinh nghiệm sử dụng các công cụ AI hỗ trợ học tập. Việc học hỏi từ bạn bè giúp giảm bớt áp lực tâm lý và tạo ra môi trường thi đua lành mạnh, giúp những SV yếu kém có thêm động lực để thay đổi.

Rèn luyện tư duy bền bỉ (Growth Mindset). GV cần kiên trì tác động để SV hiểu rằng việc mắc lỗi trong giao tiếp là một phần tất yếu của quá trình học tập. Thay vì sợ sai, SV cần được khuyến khích xem mỗi lần giao tiếp là một cơ hội để hoàn thiện bản thân. Khi rào cản tâm lý được gỡ bỏ và ý thức tự giác được hình thành, kỹ năng giao tiếp của SV sẽ có sự đột phá đáng kể.

4. Kết luận

Trong xu thế toàn cầu hóa và sự bùng nổ của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, tiếng Anh không còn đơn thuần là một môn học điều kiện mà đã trở thành công cụ sinh tồn và phát triển trong thị trường lao động cạnh tranh. Việc nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho SV khối không chuyên tại các trường đại học là một nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược dài hạn. Qua quá trình phân tích thực trạng có thể thấy những rào cản về chương trình đào tạo nặng tính hàn lâm, sĩ số lớp đông, phương pháp giảng dạy chậm đổi mới và tâm lý e ngại của SV là những “nút thắt” chính cần phải tháo gỡ. Để thực hiện mục tiêu này cần có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ mô hình dạy học truyền thống sang mô hình tương tác hiện đại, nơi mà công nghệ, đặc biệt AI đóng vai trò là “cánh tay

nổi dài” giúp cá nhân hóa lộ trình học tập và xóa bỏ những hạn chế về không gian, thời gian. Tuy nhiên, mọi giải pháp về phương pháp giảng dạy hay công cụ hỗ trợ chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi có sự thay đổi mang tính hệ thống trong công tác kiểm tra, đánh giá. Việc lấy năng lực thực hành làm thước đo chính thay vì điểm số lý thuyết sẽ là động lực trực tiếp nhất thúc đẩy SV quay trở lại với giá trị thực chất của ngôn ngữ. Bên cạnh đó, việc xây dựng một hệ sinh thái học tập đa dạng, từ các câu lạc bộ đến các không gian tiếng Anh mở sẽ giúp SV hình thành phản xạ tự nhiên và sự tự tin cần thiết.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Thị Phương Trang (2018). *Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo Tiếng Anh tại Trường Đại học Nội vụ Hà Nội*. Tạp chí Khoa học Nội vụ, tháng 8.
- [2] Cao Tân (2024). *Chỉ số thông thạo tiếng Anh của Việt Nam đứng thứ 63 trong số 116 quốc gia được khảo sát*. Nguồn: <https://nhandan.vn/chi-so-thong-thao-tieng-anh-cua-viet-nam-dung-thu-63-trong-so-116-quoc-gia-duoc-khao-sat-post844608.html>, ngày 13/11/2024.
- [3] Đặng Đức Chính (2024). *Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Anh tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*. Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 321 kỳ 2 tháng 9.
- [4] Hồng Linh (2025). *Cần giải pháp tổng thể hướng đến “học để dùng” tiếng Anh thay vì “học để thi”*. Nguồn: <https://giaoduc.net.vn/can-giai-phap-tong-the-huong-den-hoc-de-dung-tieng-anh-thay-vi-hoc-de-thi-post251391.gd>, ngày 19/5/2025.
- [5] Nguyễn Thái Bình Long (2020). *Thực trạng công tác quản lý đào tạo tiếng Anh không chuyên tại các trường đại học thành viên Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Nai, số 18.
- [6] Triệu Thị Trang (2025). *Trí tuệ nhân tạo: Cơ hội và thách thức trong đào tạo ngoại ngữ tại Việt Nam*. Tạp chí Thông tin và Truyền thông, số 4, tháng 4.
- [7] Trương Tổ Loan (2025). *Ứng dụng công nghệ 4.0 trong dạy học Tiếng Anh ở các trường đại học hiện nay*. Nguồn: <https://tapchigiaochuc.com.vn/ung-dung-cong-nghe-40-trong-day-hoc-tieng-anh-o-cac-truong-dai-hoc-hien-nay.html>, ngày 19/12/2025.
- [8] Võ Tú Anh (2024). *Nghiên cứu thực trạng dạy học Tiếng Anh ở các trường đại học không chuyên ngữ*. Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 308, kỳ 01 tháng 3.

GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRONG KỶ NGUYÊN MỚI...

Tiếp theo trang 190

Kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của công nghệ, toàn cầu hóa và sức mạnh mềm đang mở ra những cơ hội lớn cho dân tộc Việt Nam vươn mình mạnh mẽ. Một dân tộc mạnh mẽ phải được hình thành từ những con người khỏe mạnh về thể chất, minh mẫn về trí tuệ và trong sáng về tâm hồn. GDTC chính là chiếc cầu nối giữa “thân - tâm - trí”, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa hôm nay và tương lai.

Có thể khẳng định rằng, GDTC không chỉ là nhiệm vụ của ngành Giáo dục mà là sự nghiệp của toàn dân, là trách nhiệm và niềm tự hào của mỗi công dân Việt Nam. Khi GDTC được quan tâm đúng mức, thể hệ trẻ sẽ lớn lên trong môi trường lành mạnh, năng động, giàu nghị lực và sẵn sàng cống hiến cho đất nước. GDTC vì thế chính là “nền móng của tương lai - sức bật của dân tộc”, là động lực thúc đẩy công cuộc xây dựng Việt Nam hùng cường, văn minh, sánh vai cùng các cường quốc năm châu. Đây không chỉ là mục tiêu giáo dục mà còn là khát vọng vươn lên của một dân tộc đang trên đà phát triển và hội nhập, hướng tới một tương lai bền vững, thịnh vượng và nhân văn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục thể chất*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT, ngày 28/11/2019 ban hành quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên*.
- [3] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020). *Kế hoạch số 1308/KH-BVHTTDL, ngày 31/03/2020 Tổng kết 10 năm thực hiện “Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020”*.
- [4] Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25/01/2022 phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- [5] Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 1189/QĐ-TTg, ngày 15/10/2024 Phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.